

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1250/TTPTQĐ.CNLT-BT.N2

Long Thành, ngày 30 tháng 7 năm 2026

V/v Niêm yết công khai Phương án
bồi thường dự kiến dự án đầu tư xây dựng
Khu công nghiệp công nghệ cao Long
Thành tại xã An Phước (Đợt 10).

Kính gửi: UBND xã An Phước.

Căn cứ điểm 1, khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Ngày 28/7/2026, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp công nghệ cao Long Thành tại xã An Phước (Đợt 10).

(Đính kèm Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ).

Nay Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành đề nghị UBND xã An Phước niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND An Phước, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã An Phước trong thời hạn 10 ngày theo quy định tại điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Chính phủ.

Đề nghị UBND xã An Phước quan tâm, sớm hỗ trợ thực hiện nội dung trên theo quy định. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kinh tế xã An Phước;
- BGĐ TTPTQĐ.CNLT;
- Tổ BT (đ/c Nhật; Tạo);
- Nhóm 02 (đ/c Khanh; Nam);
- Lưu: VT (Toàn).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Mai Ngọc Thắng

Số: /PA-TTPTQĐ.CNLT-TBT.N2

Long Thành, ngày tháng 7 năm 2026.

PHƯƠNG ÁN

Về bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp công nghệ cao Long Thành tại xã An Phước (Đợt 10)

Căn cứ Luật đất đai 2024 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn Nghị quyết 254/2025/QH15 tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Văn bản số 90/VBHN-BNNMT ngày 30/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hợp nhất Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 5366/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn

tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai Quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 5958/UBND-ĐT ngày 02/07/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận địa điểm cho Công ty cổ phần Amata Việt Nam và Công ty Amata VN Pulic Limited đầu tư xây dựng dự án khu công nghiệp công nghệ cao 410ha tại các xã Tam An, xã An Phước và thị trấn Long Thành, huyện Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND Thành Phố Đồng Nai Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn Thành Phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Ủy ban Nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02/02/2026 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự, công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Danh sách xác định vị trí đất số 97/VPĐK.LT-TTLT ngày 28/7/2026 của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đồng Nai - chi nhánh Long Thành;

Căn cứ Khoản 4, Điều 3, Nghị định số 88/2024/NĐCP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó “Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó”. Căn cứ nội dung trên Ủy ban Nhân dân xã An Phước chịu trách nhiệm các nội dung xác nhận tại các mẫu số 2, 3, 4 kèm theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ theo Khoản 3, Điều 87, Luật đất đai năm 2024. Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập phương án bồi thường, hỗ trợ dự án dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp công nghệ cao Long Thành tại xã An Phước (Đợt 10), cụ thể như sau:

I/. Về trách nhiệm trong việc xác nhận hồ sơ, thẩm tra, lập phương án bồi thường trình thẩm định, phê duyệt:

Căn cứ khoản 5, Điều 224 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội quy định “Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính về đất đai chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền và thời gian theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, người có thẩm quyền khác chấp thuận, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết trước đó”;

Theo quy định tại khoản 4, Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024: “Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó”.

Về trách nhiệm: Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Long Thành không chịu trách nhiệm về những sai sót đối với việc cấp giấy CNQSD đất không đúng quy định, việc xác định thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc. Các sai sót trong việc cấp giấy CNQSD đất trước đây không đúng quy định, việc xác định thời điểm



xây dựng nhà, vật kiến trúc do các Tổ chức, cá nhân đã thực hiện phải chịu trách nhiệm;

Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Long Thành căn cứ vào hồ sơ bồi thường đã được các cơ quan đơn vị xác nhận, thẩm tra, chấp thuận để áp giá, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chỉ chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý trong công tác áp giá số lượng, số liệu để lập phương án bồi thường, hỗ trợ trình thẩm định, phê duyệt; không chịu trách nhiệm về các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền chấp thuận, xác nhận, thẩm tra, thẩm định theo chức năng nhiệm vụ.

II/. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gồm:

1. Tổng diện tích đất thu hồi:

- Tổng số trường hợp thu hồi: **24 trường hợp**.
- Diện tích thu hồi: **24 trường hợp/27 thửa đất/14.218,5m²**, cụ thể:
 - + Đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân: **3.467,8m²**.
 - + Đất công UBND xã An Phước quản lý: **10.750,7m²**.

1.1. Bồi thường đất:

Căn cứ Điều 95, 96, 101 Luật Đất đai 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai; Văn bản số 1201/SNNMT-ĐĐ ngày 20/5/2026; Văn bản số 2023/SNNMT-ĐĐ ngày 29/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Về loại đất, diện tích, quá trình sử dụng đất để bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ vào nội dung xác nhận của UBND xã An Phước trong giấy xác nhận nguồn gốc đất (mẫu 2), UBND xã An Phước chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận này.

Căn cứ Danh sách xác định vị trí đất số 97/VPĐK.LT-TTLT ngày 28/7/2026 của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đồng Nai - chi nhánh Long Thành;

Theo khoản 1, Điều 5, Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai, quy định cụ thể như sau:

“a) Giá đất vị trí 1: Được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy định này; trong đó:

- Phạm vi 1 được tính từ mốc hành lang an toàn đường bộ đến hết mét thứ 100: Tính bằng 100% giá đất nông nghiệp vị trí 1;

- Phạm vi 2 được tính từ mốc hành lang an toàn đường bộ có phạm vi từ trên 100 mét đến hết mét thứ 200: Tính bằng 80% giá đất nông nghiệp vị trí 1 nhưng không được thấp hơn giá đất tối thiểu theo từng địa bàn xã, phường quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Quy định này;

- Phạm vi 3 được tính từ mốc hành lang an toàn đường bộ có phạm vi từ trên 200 mét trở lên: Tính bằng 60% giá đất nông nghiệp vị trí 1 nhưng không được thấp hơn giá đất tối thiểu theo từng địa bàn xã, phường quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Quy định này.

b) Giá đất vị trí 2 (vị trí còn lại): Tính bằng 30% giá đất nông nghiệp vị trí 1, phạm vi 1 của tuyến đường giao thông quy định tại Phụ lục VII kèm theo Quy định này nhưng không được cao hơn giá đất tối đa và không được thấp hơn giá đất tối thiểu theo từng địa bàn xã, phường quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Quy định này.

Trường hợp thửa đất, khu đất tại vị trí 2 (vị trí còn lại) mà xác định vị trí theo nhiều tuyến đường giao thông tại Phụ lục VII kèm theo Quy định này thì giá đất được xác định theo tuyến đường giao thông có khoảng cách gần nhất tính từ mốc hành lang an toàn đường bộ đến thửa đất, khu đất. Trường hợp khoảng cách bằng nhau thì áp giá theo tuyến đường giao thông có mức giá cao nhất”

1.2. Bồi thường, hỗ trợ nhà, nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác trên đất:

Căn cứ nội dung xác nhận của UBND xã An Phước về nguồn gốc thời điểm xây dựng nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác, xác nhận không bị lập biên bản về vi phạm trong quá trình xây dựng (theo quy định tại Điều 19, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh). UBND xã An Phước chịu trách nhiệm về thời điểm xây dựng đối với nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác.

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND; Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND Thành Phố Đồng Nai.

1.3. Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Số tiền bồi thường thiệt hại về cây trồng được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm nhân với đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ lục kèm theo các Quyết định này.

1.4. Thưởng di dời:



Thường đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định: Căn cứ Điều 15, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đối với các trường hợp vắng chủ, sẽ không áp dụng di dời theo lũy tuyến vì không liên hệ được các chủ sở hữu.

Qua rà soát các hồ sơ của hộ ông Hồng Văn Quyết (Stt 01), Nguyễn Văn Hiệp (Stt 04) và Nguyễn Minh Đạo (Stt 07) thuộc dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp công nghệ cao, Trung tâm đã áp dụng di dời tại các đợt phê duyệt trước đây. Do đó, Trung tâm không áp giá thưởng di dời tại phương án bồi thường, hỗ trợ dự kiến (Đợt 10).

2. Tổng số trường hợp có đất thu hồi:

Tổng số trường hợp có đất thu hồi: **24 trường hợp.**

3. Phương án đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không có.

4. Phương án bố trí tái định cư: Không có.

5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

7. Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: 514.605.104 đồng.

(Bằng chữ: Năm trăm mười bốn triệu, sáu trăm lẻ năm ngàn, một trăm lẻ bốn đồng)

Trong đó:

- Bồi thường đất:	486.023.760 đồng.
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc:	16.030.000 đồng.
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường (2,5%):	12.551.344 đồng.

Trong đó:

+ Kinh phí cho UBND cấp xã 0,375%:	1.882.702 đồng.
+ Kinh phí cho TTPTQĐ CNLT 2,125%:	10.668.642 đồng.

(Đính kèm bảng tổng hợp)

8. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Sau Khi UBND xã An Phước ban hành quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ, tái định

cư; Đồng thời chủ đầu tư thực hiện việc chuyển đầy đủ kinh phí theo quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt, Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ lập thủ tục, thực hiện chi trả theo quy định.

9. Nghĩa vụ tài chính:

Thực hiện trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành chuyển danh sách đến Thuế cơ sở 5 Đồng Nai xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Trên đây là phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp công nghệ cao Long Thành tại xã An Phước (Đợt 10)./.

PHỤ LỤC



STT	Họ và Tên	Địa chỉ	Tổng diện tích đất thu hồi	Diện tích đất bồi thường (m²)				Diện tích đất công (m²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Giá trị về các chính sách hỗ trợ (đ)	Thường đi dôi (đ)	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đ)	
				Đất Phi nông nghiệp	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất nông nghiệp								Đất trồng lúa
1 Các trường hợp thu hồi đất của hộ dân:															
1	Hồng Văn Quyết	số 250, tổ 14, khu phố Long Thuận, phường Long Phước, Thành phố Hồ Chí Minh	109,5			109,5	0,0	109,5	0,0	30.008.475				30.008.475	
2	Chưa xác định chủ sử dụng		1.031,0			1.031,0	1.031,0	0,0	0,0	230.072.805				230.072.805	
3	Nguyễn Thị Lan - Trần Quốc Bửu	106A, đường 16, phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh; xã Lạc Sĩ Thành, tỉnh Vĩnh Long	69,0			69,0	69,0	0,0	0,0	0				0	
4	Nguyễn Văn Hiệp	Tổ 26, khu phố Kim Sơn, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	1.788,3			674,0	674,0	0,0	1.114,3	150.406.470				150.406.470	
5	Nguyễn Kiến An	417/50, đường Hậu Giang, phường Bình Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	121,0			121,0	0,0	121,0	0,0	0				0	
6	Võ Văn Thiện	Ấp Phước Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	156,0			156,0	156,0	0,0	0,0	34.812.180				34.812.180	
7	Nguyễn Minh Đạo	Ấp Phước Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	193,0			148,6	0,0	148,6	44,4	40.723.830	16.030.000			56.753.830	
Tổng cộng (1)			3.467,8	0,0	0,0	2.309,1	1.930,0	379,1	1.158,7	486.023.760	16.030.000	0	0	502.053.760	
11 Các trường hợp thu hồi đất của UBND xã An Phước:															
1	UBND xã An Phước (thửa 123, tờ 64)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	713,0			713,0	0,0	713,0		0				0	
	UBND xã An Phước (thửa 164, tờ 64)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	90,0			90,0	90,0	0,0		0				0	
2	UBND xã An Phước (thửa 115, tờ 65)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	718,0			718,0	0,0	0,0		0				0	
3	UBND xã An Phước (thửa 225, tờ 64)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	745,0			745,0	745,0	0,0		0				0	
	UBND xã An Phước (thửa 249, tờ 65)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	64,0			64,0	0,0	64,0		0				0	
4	UBND xã An Phước (thửa 96, tờ 126)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	976,0			976,0	976,0	0,0		0				0	
5	UBND xã An Phước (thửa 74, tờ 127)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	1.110,0			1.110,0	0,0	1.110,0		0				0	

STT	Họ và Tên	Địa chỉ	Tổng diện tích đất thu hồi	Diện tích đất bồi thường (m ²)					Diện tích đất công (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Giá trị về các chính sách hỗ trợ (đ)	Thưởng di dời (đ)	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đ)
				Đất phi nông nghiệp		Đất Nông nghiệp								
				Tổng	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất nông nghiệp	Đất trồng lúa						
6	UBND xã An Phước (thửa 90, tờ 127)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	1.014,0			1.014,0	1.014,0	0,0	0					0
7	UBND xã An Phước (thửa CT125, tờ 64)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	156,0			156,0	156,0	0,0	0					0
8	UBND xã An Phước (thửa CT25, tờ 127)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	114,5			114,5	0,0	114,5	0					0
9	UBND xã An Phước (thửa CT169, tờ 64)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	113,5			113,5	113,5	0,0	0					0
10	UBND xã An Phước (thửa CT238, tờ 65)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	61,0			61,0	61,0	0,0	0					0
11	UBND xã An Phước (thửa CT592, tờ 65)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	1.457,0			1.457,0	0,0	1.457,0	0					0
12	UBND xã An Phước (thửa CT197, tờ 65)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	206,7			206,7	0,0	206,7	0					0
13	UBND xã An Phước (thửa CT64, tờ 64)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	1.703,8			0,0	0,0	0,0	0	1.703,8				0
	UBND xã An Phước (thửa CT167, tờ 64)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	669,6			669,6	669,6	0,0	0					0
14	UBND xã An Phước (thửa CT108, tờ 65)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	220,0			0,0	0,0	0,0	0	220,0				0
15	UBND xã An Phước (thửa CT89, tờ 65)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	323,0			0,0	0,0	0,0	0	323,0				0
16	UBND xã An Phước (thửa CT278, tờ 65)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	60,1			0,0	0,0	0,0	0	60,1				0
17	UBND xã An Phước (thửa CT149, tờ 65)	Ấp Thanh Nguyên, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	235,5			0,0	0,0	0,0	0	235,5				0
Tổng cộng (II)			10.750,7	0,0	0,0	8.208,3	3.825,1	3.665,2	0	486.023.760	16.030.000	0	0	502.053.760
Tổng cộng (I)			14.218,5	0,0	0,0	10.517,4	5.755,1	4.044,3						502.053.760
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:														
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 2,5%														
Trong đó:														
- Kinh phí cho UBND xã An Phước (0,375%)														
- Kinh phí cho TTPTQĐ CNLT (2,125%)														
Tổng cộng (1+2):														
1.882.702														
10.668.642														
514.605.104														
Bảng chữ: Năm trăm mười bốn triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn, một trăm lẻ bốn đồng./														